

Bài 3 JQuery

Module: BOOTCAMP FRONT-END DEVELOPMENT



Mục tiêu

- Trình bày được cú pháp của jQuery
- Nhúng được jQuery vào trang web
- Sử dụng được jQuery để thao tác với DOM
- Sử dụng được jQuery để thao tác với style
- Sử dụng được jQuery để thao tác với CSS
- Sử dụng được jQuery để thực hiện các thao tác AJAX



Giới thiệu về jQuery

- jQuery là một framwork JavaScript rất phố biến và dễ sử dụng. Framework này giúp việc lập trình JavaScript trở nên đơn giản hơn và giúp giảm bớt sự không tương thích JavaScript trên các trình duyệt khác nhau.
- Toàn bộ thư viện của jQuery được gói gọn trong một tệp .js
- Cập nhật thông tin, xem hướng dẫn sử dụng và tải các phiên bản jQuery tại trang http://jquery.com



Sử dụng như thế nào

- Tải jQuery tại trang jquery.com, tại đây có sẵn hai bản: nén (compressed) và không nén (uncompressed).
- Khi phát triển một ứng dụng web, Để hỗ trợ phát triển hoặc gỡ lỗi bạn nên chọn bản không nén
- Khi sản phẩm web của bạn đã đưa ra sử dụng rộng rãi, để tiết kiệm băng thông và cải thiện hiệu suất của trang web bạn nên chọn bản nén.
- Nhúng tệp thư viện jQuery (*tệp jquery-....js*) vào trang web của bạn. VD:



Cú pháp căn bản của jQuery

\$(selector).action()

Trong đó:

- \$ là ký hiệu để định nghĩa\truy cập jQuery
- (selector) để truy vấn hoặc tìm phần tử HTML
- action() là hành động được jQuery định nghĩa sẵn để thực hiện với các phần tử



Các loại selector

- element selector
- #id selector
- .class selector



element selector

- element selector trong jQuery chọn các phần tử dựa vào tên của chúng.
- Tên của thẻ html chọn làm element selector
- Ví dụ: Chọn thẻ làm selector

• Khi người dùng nhấp vào một nút, tất cả các phần tử sẽ bị ẩn:

```
$ (document).ready(function() {
    $ ("button").click(function() {
        $ ("p").hide();
    });
});
```



#id selector

- Sử dụng thuộc tính id của thẻ HTML để tìm phần tử cụ thể
- Viết ký tự # trước id của phần tử HTML để tạo #id selector
- Ví dụ: Tạo #id selector tên là test \$("#test")

```
This is another paragraph.
<button>Click me</button>
```

Khi người dùng nhấp vào một nút, phần tử với id = "test" sẽ bị ẩn:

```
$ (document).ready(function() {
    $ ("button").click(function() {
        $ ("#test").hide();
     });
});
```



.class selector

- Sử dụng thuộc tính class của thẻ HTML để tìm phần tử cụ thể
- Viết dấu . trước tên của class để tạo .class selector
- Ví dụ: Tạo #id selector tên là test \$(".test")

```
<h2 class="test">This is a heading</h2>
This is a paragraph.
This is another paragraph.
<button>Click me</button>
```

• Khi người dùng nhấp vào một nút, phần tử với class = "test" sẽ bị ẩn:

```
$ (document).ready(function() {
    $ ("button").click(function() {
        $ (".test").hide();
    });
});
```



Sự kiện

Mouse Events	Keyboard Events	Form Events	Document/Window Events
click	keypress	submit	load
dblclick	keydown	change	resize
mouseenter	keyup	focus	scroll
mouseleave		blur	unload



Ví dụ - click

```
<!DOCTYPE html>
<html>
<head>
<script src="https://ajax.googleapis.com/ajax/libs/jquery/3.2.1/jquery.min.js"></script>
<script>
$(document).ready(function(){
    $("p").click(function(){
        $(this).hide();
    });
});
</script>
</head>
<body>
If you click on me, I will disappear.
Click me away!
Click me too!
</body>
</html>
                                                   https://www.w3schools.com/jquery/tryit.asp?filename=tryjquery_click
```



Hiệu ứng

- Hide
- Show
- Toggle
- Slide
- Fade
- Animate



Ví dụ - hide/show

```
<!DOCTYPE html>
<html>
<head>
<script src="https://ajax.googleapis.com/ajax/libs/jquery/3.2.1/jquery.min.js">
</script>
<script>
$(document).ready(function(){
    $("#hide").click(function(){
        $("p").hide();
    });
    $("#show").click(function(){
        $("p").show();
    });
});
</script>
</head>
<body>
If you click on the "Hide" button, I will disappear.
<button id="hide">Hide
<button id="show">Show</putton>
                                                     https://www.w3schools.com/jquery/tryit.asp?filename=tryjquery_hide_show
</body>
</html>
```